

Bản án số: **48/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 06/11/2019

Về việc: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Đình Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:** Chị Lê Ngọc Q, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 92 THĐ, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắc Nông (Có mặt)

***/ Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1996; Địa chỉ: thôn DL, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Ngọc Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông vào ngày 23/4/2018, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị và anh T phát sinh mâu thuẫn vào ngày 23/4/2018, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị thì muốn lập nghiệp ở huyện M, còn anh T lại muốn lên Thành phố Hồ Chí Minh để lập nghiệp, chị và anh T không sống chung với nhau và cũng không tổ chức đám cưới. Chị và anh T đăng ký kết hôn chỉ là nhất thời không suy nghĩ,

hiện chị không còn tình cảm gì với anh T, do đó chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T; Về con chung, tài sản chung, công nợ: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn:* anh Nguyễn Đức T Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T, tuy nhiên anh T cố tình trốn tránh không lên Tòa án để giải quyết vụ án xin ly hôn với chị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Lê Ngọc Q đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc Q, chị Lê Ngọc Q được ly hôn với anh Nguyễn Đức T; Về con chung không có, Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Lê Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Ngọc Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức T, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức T có Hộ khẩu thường trú tại: thôn ĐL, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh T cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của anh T đã

không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức T là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Ngọc Q:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc Q và anh Nguyễn Đức T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, hai bên chỉ đăng ký kết hôn mà không tổ chức đám cưới và sống chung với nhau. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị Q thừa nhận, chị và anh T không còn tình cảm với nhau và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Xét thấy chị Q và anh T thực tế chưa chung sống với nhau ngày nào kể từ khi đi đăng ký kết hôn ngày 23/4/2018 cho đến nay, điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn giữa chị Lê Ngọc Q và anh Nguyễn Đức T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung: Không có, nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Ngọc Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Lê Ngọc Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc Q được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung, tài sản chung: Không có, nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001654 ngày 01/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA DS huyện M;
- UBND xã Đ, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh